TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày 07-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Hồng Thạnh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trịnh Ngọc Thành**

2. Ông **Phạm Công Gia**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Văn Thượng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Trương Hoàng Tuấn** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 107/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn số 29/2010/HSST-QĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Muôn Thanh T (T đen), sinh năm 1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp 1, xã PL, huyện TP, tỉnh ĐN. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Khơ Me; giới tính: Nam: tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Muôn L (1954) và bà Đặng Thị L (1955); vợ con không có; tiền sự, tiền án: Không. Nhân thân: Ngày 21/01/2000, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt ngày 29/3/2004 (đã được xóa án tích). Bị bắt tạm giam từ ngày 26/6/2020 cho đến nay *(có mặt)*.

- Bị hại: Ông **Nguyễn Xuân V,** sinh năm 1983 *(vắng mặt)*

Nơi cư trú: Khu 2, Thị trấn TP, huyện TP, tỉnh ĐN.

Ông V ủy quyền cho ông **Trần Công T**, sinh năm 1964 *(có mặt)*

Nơi cư trú: Ấp 1, xã TL, huyện TP, tỉnh ĐN.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông **Nguyễn Hoàng V**, sinh năm 1956 *(có mặt)*

Địa chỉ: Khu 2, Thị trấn TP, huyện TP, tỉnh ĐN

2. Bà **Đặng Thị L**, sinh năm 1955 *(có mặt)*

3. Ông **Muôn L**, sinh năm 1954 *(có mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã PL, huyện TP, ĐN.

- *Người làm chứng:*

a) Bà **Nguyễn Thị Cẩm H**, sinh năm 1986 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu 9, Thị trấn TP, TP, ĐN

b) Ông **Huỳnh Thanh Hậu**, sinh năm 2001 *(vắng mặt)*

c) Bà **Dương Ngọc Hằng**, sinh năm 1970 *(vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Khu 5, Thị trấn TP, TP, ĐN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Muôn Thanh T và Nguyễn Xuân V là bạn bè và có mâu thuẫn với nhau từ trước.

Chiều ngày 26/6/2020, T đang ngồi trước cửa nhà bà ngoại của T ở Tổ 1, khu 2, thị trấn TP thì thấy ông V đang dừng đèn đỏ tại ngã tư. Do có mâu thuẫn từ trước nên T đi ra lấy 01 cục đá đập vào nón bảo hiểm của ông V đang đội trên đầu, dẫn đến xô xát đánh nhau và được mọi người can ngăn, nhưng hai bên vẫn tiếp tục thách thức đánh nhau. T vào nhà lấy 02 con dao Thái Lan, dài cả cán 22cm (lưỡi dài 12cm, rộng 02cm; 01 con dao cán gỗ màu nâu, 01 con dao cán nhựa màu vàng); ông V về cầm 01 con dao dài cả cán 22cm (lưỡi dài 12cm, rộng 02cm, cán dao bằng nhựa màu vàng) quay lại gặp T (tại cửa hàng mắt kính Sài Gòn, ngã 3 đường Tà Lài và Quốc lộc 20) thì bị T dùng chân đạp vào người nên V bỏ chạy qua hướng cửa hàng Bách Hóa Xanh thuộc khu 5, thị trấn TP. T dùng dao cán nhựa màu vàng ném theo V nhưng không trúng nên cầm dao cán gỗ truy đuổi ông V, ông V quay lại cầm dao đâm thì bị T giữ được con dao. T dùng tay trái cầm dao của mình đâm vào lưng của ông V, ông V ngã xuống đất thì T tiếp tục đâm trúng vào lưng, hông, hai bên tiếp tục giằng co, rồi bỏ dao xuống và đi về nhà, ông V được người thân đưa đi cấp cứu.

Quá trình điều tra, Muôn Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ: 02 con dao Thái Lan dài cả cán 22cm (lưỡi dao dài 12 cm, rộng 02 cm; 01 con dao cán bằng nhựa màu vàng, 01 con dao cán bằng gỗ màu nâu) đã chuyển đến chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú.

Hậu quả: Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 0532/TgT/2020 ngày 30/6/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận: Nguyễn Xuân V bị thương tích mặt, ngực, lưng và cánh tay phải do vật sắc, tổn thương nhu mô phổi phải, màng phổi phải; vết mổ ngực bên khoang liên sườn kích thước 17x0,2cm; vết thương vùng cổ sau lệch phải kích thước 01x0,1cm; vết thương bờ trong dưới xương bả vai kích thước 02x0,3cm; vết thương dưới ngoài xương bả vai kích thước 01x0,2cm, vết thương đầu trong xương đòn phải kích thước 1,5x0,2cm; vết thương ngực bên trái kích thước 1,5x0,2cm; vết mổ dẫn lưu ngực bên phải; vết thương cánh tay phải kích thước 01x0,2cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 20%. Đồng thời đề nghị Cơ quan Điều tra Công an huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai trưng cầu giám định bổ sung sau khi bệnh nhân điều trị ổn định để đánh giá di chứng các tổn thương.

Ngày 12/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 110/CQĐT-ĐTTH đối với thương tích của ông Nguyễn Xuân V.

Tại bản Kết luận giám định pháp y bổ sung về thương tích số 0678/TgT/2020 ngày 13/8/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận: Nguyễn Xuân V bị thương tích mặt, ngực, lưng và cánh tay phải do vật sắc; tổn thương nhu mô phổi phải hiện để lại xẹp vùng phân thùy S6 thùy dưới phổi phải, dải xơ thùy dưới phổi phải, tổn thương màng phổi phải hiện để lại di chứng dày dính màng phổi phải; vết mổ ngực bên phải đã liền sẹo kích thước 17x0,2cm; vết thương vùng cổ sau lệch phải đã liền sẹo kích thước 01x0,1cm; vết thương bờ dưới xương bả vai đã liền sẹo kích thước 01x0,3cm; vết thương dưới ngoài xương bả vai kích thước 01x0,2cm, vết thương đầu trong xương đòn phải đã liền sẹo kích thước 1,3x0,2cm; vết thương ngực bên trái đã liền sẹo kích thước 1,5x0,2cm; vết thương cánh tay phải đã liền sẹo kích thước 01x0,2cm; vết mổ dẫn lưu ngực bên phải đã liền sẹo kích thước 02x01cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 42%.

Bị can Muôn Thanh T bị thương tích ở lòng bàn tay phải, tuy nhiên bị can không yêu cầu giám định thương tích.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng mô tả. Bản thân bị cáo không muốn tước đoạt mạng sống của ông V, chỉ đâm bừa vào người của bị hại. Gia đình bị cáo trực tiếp bồi thường cho bị hại 8.000.000đ tiền và có nộp thêm 22.000.000đ tại Cơ quan thi hành án để bồi thường. Phần còn lại yêu cầu xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện hợp pháp của bị hại thống nhất với nội dung cáo trạng truy tố bị cáo T. Trong lúc xô xát các bên thách thức lấy dao để đâm nhau, bị hại về nhà lấy dao rồi quay lại nhà bị cáo, hai bên xô xát thì bị T đâm gây thương tích. Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo yêu cầu xét xử theo quy định của pháp luật. Đối với trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị cáo đã bồi thường 8.000.000 đồng tiền mặt, yêu cầu bồi thường tiếp theo quy định của pháp luật là 163.579.000đ

(Một trăm sáu mươi ba triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng), trong đó tiền viện phí là 57.439.000đ; tiền ăn, tiền xe đi lại là 4.140.000đ; tiền công lao động bị mất từ ngày 26/6/2020 đến ngày xét xử là 191 ngày mỗi ngày 300.000đ là 57.300.000đ; tiền tổn thất về tinh thần 30 tháng lương cơ bản là 44.700.000đ.

Sau khi phân tích các dấu hiệu phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; đặc điểm nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo T về tội "Cố ý gây thương tích".

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 38, điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo T từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù đến 06 (sáu) năm tù.

Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự, đề nghị Tòa tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 02 con dao Thái Lan dài cả cán 22cm (lưỡi dao dài 12 cm, rộng 02 cm) vì đây là công cụ phương tiện và không có giá trị sử dụng.

Buộc bị can Muôn Thanh T bồi thường cho ông Nguyễn Xuân V theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận cho hành vi của mình, việc xét xử là không oan sai và nói lời sau cùng như sau: Trong thời gian bị giam giữ bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về hoà nhập với cộng đồng và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã được thực hiện đúng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi, tính chất, mức độ phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp tài liệu chứng cứ mới và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo tại tòa là phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận:

Do có mâu thuẫn từ trước, nên khoảng 17 giờ ngày 26/6/2020 tại tổ 1, Khu 2, Thị trấn TP, huyện TP, tỉnh ĐN, giữa T và V cùng có lời nói, thách thức là dùng dao để đánh nhau. Trong lúc xô xát, đánh nhau, T đã dùng 01 con dao

dài 22cm cán gỗ màu nâu (là hung khí nguy hiểm) đâm vào vùng lưng, ngực, hông và cánh tay phải của ông ông V, gây thương tích với tỷ lệ 42%.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 (điểm a khoản 1) Bộ luật Hình sự. Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sức khỏe, của người bị hại. Gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo đã bị kết án về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tuy đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học rèn luyện bản thân nay lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để sửa đổi, rèn luyện bản thân sau này không vi phạm nữa.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi; đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả; bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, mẹ bị cáo già yếu, cha bị cáo có thời gian trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bị hại cũng có một phần lỗi là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Đặc điểm nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu.

[5] Hình phạt, căn cứ quyết định hình phạt:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Các biện pháp tư pháp:

[6.1] Bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa bị cáo, người đại diện bị hại không thỏa thuận được mức bồi thường thiệt hại, cùng yêu cầu xem xét theo quy định của pháp luật.

[6.1.1] Căn cứ, nguyên tắc của việc bồi thường:

Theo quy định tại Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 590 Bộ luật dân sự và Điều 1 Chương I Nghị quyết số 03/2006/NQ/HĐTP ngày 08/7/2006 quy định: "*Người nào do lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, xâm phạm danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân hoặc chủ thể khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường*".

Khoản 1 Điều 585 Bộ luật Dân sự quy định về nguyên tắc bồi thường thiệt hại:

"1. Thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời. Các bên có thể thỏa thuận về mức bồi thường, hình thức bồi thường bằng tiền, bằng hiện vật hoặc thực hiện một công việc, phương thức bồi thường một lần hoặc nhiều lần, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

Khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự quy định về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm:

1. Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm bao gồm:

a) Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại;

b) Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại; nếu thu nhập thực tế của người bị thiệt hại không ổn định và không thể xác định được thì áp dụng mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại;

c) Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị; nếu người bị thiệt hại mất khả năng lao động và cần phải có người thường xuyên chăm sóc thì thiệt hại bao gồm cả chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại;

d) Thiệt hại khác do luật quy định.

Khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự quy định về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm:

2. Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp sức khỏe của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

[6.1.2] Mức bồi thường thiệt hại:

[6.1.2.a] Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường theo quy định của pháp luật các khoảng sau đây:

Các khoản có hóa đơn chứng cứ (gồm tiền viện phí...):

- Hóa đơn bán hàng số 0044930 ghi ngày 26/6/2020 số tiền 723.151đ.
- Biên lai thu tiền số 139 ghi ngày 26/6/2020 số tiền 500.000đ.
- Hóa đơn bán hàng số 0088547 ghi ngày 26/6/2020 số tiền 157.025đ.
- Hóa đơn bán hàng số 0009842 ghi ngày 14/7/2020 số tiền 152.220đ.
- Hóa đơn bán hàng số 0094678 ghi ngày 26/6/2020 số tiền 1.300.000đ.
- Hóa đơn bán hàng số 0006730 ghi ngày 14/7/2020 số tiền 54.307.037đ.
- Hóa đơn bán hàng số 0031080 ghi ngày 21/7/2020 số tiền 45.000đ.
- Hóa đơn bán hàng số 0199266 ghi ngày 21/7/2020 số tiền 215.538đ.
- Hóa đơn bán hàng số 0020790 ghi ngày 21/7/2020 số tiền 38.700đ.

Tổng cộng là: 57.438.671đ (Làm tròn là 57.439.000đ).

Các khoản không có hóa đơn chứng từ gồm:

Tiền xe đi tái khám 1.440.000đ;

Tiền bồi dưỡng trong những ngày nằm viện: 2.700.000đ;

Tổng cộng: 4.140.000đ.

Tiền công lao động bị mất: Số ngày yêu cầu là 191 ngày (từ ngày 26/6/2020 đến ngày xét xử là 07/01/2021), mỗi ngày 300.000đ với số tiền 57.300.000đ;

Tiền bồi thường tổn thất tinh thần: 30 tháng lương cơ bản là 1.490.000đ x 30 thành tiền là 44.700.000đ.

Tổng cộng **163.579.000đ** (một trăm sáu mươi ba triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

[6.1.2.b] Hội đồng xét xử chỉ xem xét buộc bị cáo bồi thường trên cơ sở yêu cầu của bị hại. Các khoảng yêu cầu bồi thường phải là những chi phí hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế phát sinh để buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường.

Các khoảng yêu cầu bồi thường được chấp nhận gồm:

+ 57.439.000đ (chi phí điều trị có hóa đơn);

+ 4.140.000đ (các khoản không có hóa đơn chứng từ);

+ Tiền công lao động bị mất trong thời gian điều trị 26 ngày (từ ngày 26/6/2020 đến ngày 22/7/2020), mỗi ngày là 250.000đ với số tiền 6.500.000đ;

+ Do bị cáo và bị hại không thỏa thuận được về mức bồi thường tổn thất tinh thần. Bị hại bị gây thương tích ở nhiều vùng trên cơ thể, thương tích 42% là nặng nên Hội đồng xét xử quyết định mức bồi thường là 20 lần mức lương sơ sở. Cụ thể: 1.490.000đ x 20 tháng = 29.800.000đ.

Tổng cộng các khoảng là: 57.439.000đ + 4.140.000đ + 6.500.000đ + 29.800.000đ = 97.879.000đ (Chín mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Bị cáo đã bồi thường 30.000.000đ, còn buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại **67.879.000đ** (Sáu mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Chi trả số tiền 22.000.000đ gia đình bị cáo đã nộp theo biên lai 0003173 ngày 06/10/2020 tại Chi cục Thi hành án Tân Phú cho bị hại để bồi thường thiệt hại.

[6.2] Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 02 con dao Thái Lan dài cả cán 22cm (lưỡi dao dài 12 cm, rộng 02 cm) là vật hung khí gây án, có liên quan đến tội phạm.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bồi thường là 67.789.000đ.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân, loại hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 3 Điều 134 (Điểm a khoản 1); Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- Áp dụng Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47; Khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Bị cáo Muôn Thanh T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Muôn Thanh T 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 26/6/2020.

Về trách nhiệm bồi thường: Buộc bị cáo Muôn Thanh T phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Xuân V số tiền 67.879.000đ (Sáu mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Chi trả số tiền 22.000.000đ nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú theo biên lai số 0003173 ngày 06 tháng 10 năm 2020 cho ông Nguyễn Xuân V.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành thì còn phải chịu khoản lãi tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án xong theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao Thái Lan cán bằng gỗ dài 22cm; 01 con dao Thái Lan cán bằng nhựa dài 22cm.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/10/2020.

Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.393.950đ (Ba triệu ba trăm chín mươi ba nghìn chín trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, ông V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú;
- Công an nhân dân huyện Tân Phú;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Phú;
- Người có QL,NVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hồng Thạnh